

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ RIỀNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 06-4-2022

*V/v “Yêu cầu không công nhận vợ  
chồng, tranh chấp nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Đỗ Tấn Trường
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Khuyển  
Ông Nguyễn Duy Khải
- *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Thị Duyên -Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tới - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2021/TLST-HN&GD ngày 20/12/2021 về việc “*Yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 10/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm: 1993;
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Ngh, sinh năm 1985;  
Trú tại: Thôn 2, Xã L, Huyện P, Tỉnh Bình Phước.
- *Người có quyền, lợi ích được bảo vệ:* Cháu Nguyễn Thị Thu Ng, sinh năm 2016.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày:**

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà với ông Nguyễn Văn Ngh trước đây là vợ chồng và đã kết hôn vào năm 2012. Đến năm 2014 do mâu thuẫn gia đình nên đã ly hôn theo Bản án số 09/2014/HNST ngày 27/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện BGM.

Sau đó, do còn yêu thương nhau nên bà và ông Ngh lại tiếp tục sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, trong thời gian sống chung thì ông, bà có thêm con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Ng, sinh năm 2016.

Nay do không còn hạnh phúc, không thể sống chung được nữa, bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi với ông Nguyễn Văn Ngh.

+ *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Trong thời gian sống chung thì bà với ông Ngh có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Ng, sinh năm 2016. Nay bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng.

+ *Về tài sản chung, nợ chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Nguyễn Văn Ngh trình bày tại Bản tự khai ngày 23/12/2021:**

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Ông với bà Nguyễn Thị Kiều O đã ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện BGM, có một con chung là Nguyễn Văn H, Tòa án xử cho vợ nuôi con. Sau một thời gian ông với bà Ngh quay lại sống chung mà không đăng ký kết hôn lại và có thêm một con chung cháu Nguyễn Thị Thu Ng. Ông đồng ý không công nhận vợ chồng với bà O.

+ *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Ông muốn trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Thu Ng.

+ *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ngh thống nhất với nguyên đơn về quan hệ hôn nhân đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng với bà O. Về con chung thì ông đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Ng.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước phát biểu:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà

Nguyễn Thị Kiều O với ông Nguyễn Văn Ngh. Giao cháu Nguyễn Thị Thu Ng cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, các bên không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

Bà Nguyễn Thị Kiều O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung với bị đơn ông Nguyễn Văn Ngh có hộ khẩu thường trú tại Thôn 2, Xã L, Huyện P, Tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện P xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “*Yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung*”. Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

*[2] Về nội dung vụ án:*

[a] Xét yêu cầu không công nhận vợ chồng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ lời trình bày của bà O, ông Ngh và kết quả xác minh tại địa phương xác định: Bà O, ông Ngh trước đây là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn vợ chồng nên bà O, ông Ngh đã ly hôn theo Bản án số 09/2014/HNST ngày 27/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện BGM, tỉnh Bình Phước, nhưng sau đó lại tiếp tục về sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, trong thời gian này bà O, ông Ngh có thêm 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Ng, sinh năm 2016. Như vậy, việc bà O và ông Ngh sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ Điều 9, 14 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà O với ông Ngh.

[b] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Bà O với ông Ngh có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh năm 2012, cháu Nguyễn Thị Thu Ng, sinh năm 2016.

Đối với cháu Nguyễn Văn H đã được giải quyết tại Bản án số 09/2014/HNST ngày 27/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện BGM, tỉnh Bình Phước, các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đối với việc nuôi con chung cháu Nguyễn Thị Thu Ng, xét thấy: Khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần.

Cả bà O và ông Ngh đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nguyện vọng của bà O và ông Ngh là chính đáng, tuy nhiên, cần xem xét đến điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Bà O, ông Ngh có nơi cư trú và công việc ổn định để nuôi con chung, nhưng cháu Ng là con gái, đang độ tuổi trưởng thành cần sự định hướng, tâm lý từ mẹ nên việc giao cháu Ng cho bà O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo các điều kiện tốt cho việc chăm sóc, giáo dục và phát triển tâm lý lứa tuổi; đồng thời tại phiên tòa ông Ngh cũng thừa nhận trong thời gian chung sống có đánh đập bà O, nhậu nhẹt, cờ bạc nên sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của cháu Ng nếu trực tiếp nuôi con. Do đó, cần giao cháu Ng cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng nên yêu cầu của bà O về con chung là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà O không yêu cầu ông Ngh cấp dưỡng nuôi con chung.

[c] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Kiều O phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28; 35; 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O về việc yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kiều O với ông Nguyễn Văn Ngh.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung Nguyễn Thị Thu Ng, sinh năm 2016 cho bà Nguyễn Thị Kiều O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

Bà O không yêu cầu ông Nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung.

*Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm*

*sóc, giáo dục con chung theo quy định Luật hôn nhân và gia đình. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ khác đối với con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.*

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều O phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015598 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- THADS huyện P;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đã mã**

**Đỗ Tấn Trường**